



**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu –
Nước giải khát Hà Nội**

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định Thành lập số	1863/QĐ-TTG 575/QĐ-TTG	ngày 28 tháng 12 năm 2007 ngày 16 tháng 5 năm 2008
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0103025268 0101376672	ngày 16 tháng 6 năm 2008 ngày 30 tháng 7 năm 2010
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tuấn Phong Ông Nguyễn Hồng Linh Ông Trần Đình Thanh Bà Nguyễn Thị Nga Ông Tayfun Uner Ông Henrik J Andersen	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Thành viên <i>(đến ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i>
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Linh Ông Vũ Xuân Dũng Ông Nguyễn Hải Hồ Ông Vương Toàn Ông Trần Đình Thanh Ông Nguyễn Hữu Hồng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2013)</i> Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 31 tháng 12 năm 2013)</i>
Ban Kiểm soát	Bà Đinh Thị Thanh Hải Ông Trần Văn Chung Ông Trần Thuận An Ông Bùi Hữu Quang	Trưởng ban <i>(từ ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Trưởng ban <i>(đến ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	183 Hoàng Hoa Thám Quận Ba Đình Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị



Nguyễn Tuấn Phong
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần (“Nghị định 109”), tại thời điểm cổ phần hóa, các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần cần ghi nhận lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chưa ghi nhận phần lợi thế từ vị trí địa lý của địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội như một phần của lợi thế kinh doanh theo quy định của Nghị định 109. Trong năm 2011 và 2012, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 421/Habeco-TV ngày 27 tháng 9 năm 2011 và Công văn số 90/Habeco-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2012 về kiến nghị xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa liên quan đến việc xác định bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý tại địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội để đề xuất việc không bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của Nghị định 109. Đến thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nếu kiến nghị của Tổng Công ty không được chấp thuận thì Tổng Công ty có thể phải nộp thêm phần giá trị lợi thế vị trí địa lý cho Nhà nước tính theo quy định của Nghị định 109. Do kết luận cuối cùng về việc Tổng Công ty có phải tính toán và nộp thêm phần lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa cho Nhà nước theo quy định của Nghị định 109 còn đang chờ ý kiến của Văn phòng Chính phủ và do Tổng Công ty chưa có các giấy tờ pháp lý liên quan đến việc sử dụng địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, bao gồm cơ sở cho việc xác định thời gian Tổng Công ty được thuê và giá phí liên quan, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh cần thiết đối với các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến các khoản mục chi phí trả trước dài hạn, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2013 liên quan đến ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết có thể có liên quan đến:

- việc xác định bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý của địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty; và
- điều chỉnh hồi tố tăng thêm số thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính 2011 theo biên bản thanh tra thuế của Tổng cục thuế ngày 27 tháng 8 năm 2012. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh này do chưa thống nhất ý kiến với các nội dung tương ứng của biên bản thanh tra thuế.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

~~Chứng nhận~~ Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Đạo cáo kiểm toán: 13-02-028-a



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Khaw

Trần Hằng Thu
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0877-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.887.475.124.020	1.368.697.938.071
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.188.776.724.888	802.242.473.418
Tiền	111		333.104.040.277	802.242.473.418
Các khoản tương đương tiền	112		855.672.684.611	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	127.000.000.000	41.646.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		127.000.000.000	41.646.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	286.855.029.050	284.853.022.497
Phải thu khách hàng	131		113.808.236.139	177.109.220.509
Trả trước cho người bán	132		63.111.423.533	101.383.665.901
Các khoản phải thu khác	135	5	110.697.884.365	6.360.136.087
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(762.514.987)	-
Hàng tồn kho	140	6	279.256.778.337	213.612.035.569
Hàng tồn kho	141		279.915.885.087	213.612.035.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(659.106.750)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.586.591.745	26.344.406.587
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.809.932.491	354.619.577
Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	1.663.323.379	25.652.253.358
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.113.335.875	337.533.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Minh

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		3.190.363.584.358	3.190.582.238.644
Tài sản cố định	220		1.512.694.774.412	1.660.810.478.709
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.449.213.054.217	1.610.285.680.228
<i>Nguyên giá</i>	222		3.066.303.165.452	2.985.180.506.564
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.617.090.111.235)	(1.374.894.826.336)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.254.213.436	7.445.929.477
<i>Nguyên giá</i>	228		24.145.007.551	24.149.124.335
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.890.794.115)	(16.703.194.858)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	60.227.506.759	43.078.869.004
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.532.444.158.533	1.353.161.945.058
Đầu tư vào công ty con	251		1.066.287.453.223	985.620.753.223
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		448.815.120.164	448.815.120.164
Đầu tư dài hạn khác	258		87.100.000.000	87.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(69.758.414.854)	(168.373.928.329)
Tài sản dài hạn khác	260		145.224.651.413	176.609.814.877
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	138.864.744.030	176.609.814.877
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.359.907.383	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.077.838.708.378	4.559.280.176.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Handwritten signature

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		939.666.185.654	842.571.596.918
Nợ ngắn hạn	310		685.751.583.366	547.873.996.718
Vay ngắn hạn	311	14	115.841.225.017	54.748.000.000
Phải trả người bán	312	15	301.846.439.342	110.538.050.270
Người mua trả tiền trước	313		1.876.375.369	168.922.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	144.926.318.204	172.174.604.656
Phải trả người lao động	315		32.385.147.158	30.472.080.582
Chi phí phải trả	316	17	58.392.029.034	158.902.482.821
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.982.495.055	5.046.481.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		21.501.554.187	15.823.374.938
Vay và nợ dài hạn	330		253.914.602.288	294.697.600.200
Phải trả dài hạn khác	333	19	253.914.602.288	226.810.080.200
Vay dài hạn	334	20	-	67.887.520.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.138.172.522.724	3.716.708.579.797
Vốn chủ sở hữu	410	21	4.138.172.522.724	3.716.708.579.797
Vốn cổ phần	411	22	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417	23	787.772.968.553	518.098.739.671
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	255.573.856.995	183.083.198.468
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	1.300.054.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		775.525.643.176	697.526.641.658
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.077.838.708.378	4.559.280.176.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Handwritten signature

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ (USD)	441.646	316.604
Ngoại tệ (EUR)	21.012	27.213

Người lập:



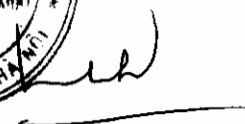
Phạm Thu Thủy
Kế toán

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

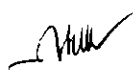
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	25	7.401.792.949.690	6.544.773.828.965
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.057.532.788.427	1.146.034.881.245
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	6.344.260.161.263	5.398.738.947.720
Giá vốn hàng bán	11	26	5.135.763.846.877	4.277.701.462.103
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.208.496.314.386	1.121.037.485.617
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	425.029.740.334	427.919.415.663
Chi phí tài chính	22	28	(87.688.783.335)	32.964.929.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.885.555.060</i>	<i>5.944.232.254</i>
Chi phí bán hàng	24		510.786.919.363	565.635.232.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		191.392.467.462	131.798.612.614
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.019.035.451.230	818.558.127.309
Thu nhập khác	31	29	12.903.702.743	17.651.161.290
Chi phí khác	32		2.056.271.792	15.211.583.793
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		10.847.430.951	2.439.577.497
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.029.882.882.181	820.997.704.806
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	235.428.325.424	137.794.387.732
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(6.359.907.383)	(11.438.334.547)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		800.814.464.140	694.641.651.621

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:

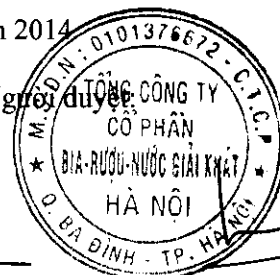


Phạm Thu Thủy
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.029.882.882.181	820.997.704.806
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	254.391.267.710	295.485.736.874
Các khoản dự phòng	03	(97.193.891.739)	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.027.401.779	(2.133.439.936)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(417.718.202.897)	(420.107.822.750)
Chi phí lãi vay	06	2.885.555.060	5.944.232.254
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	779.275.012.094	700.186.411.248
Biến động các khoản phải thu	09	122.255.588.298	404.739.311.908
Biến động hàng tồn kho	10	(66.303.849.517)	20.390.786.461
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	399.019.719.338	130.316.331.525
Biến động chi phí trả trước	12	36.780.686.761	69.871.498.616
		1.271.027.156.974	1.325.504.339.758
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.885.555.060)	(9.565.518.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(249.599.628.076)	(89.035.635.277)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27.104.522.088	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(25.972.341.966)	(16.532.583.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.019.674.153.960	1.210.370.602.827

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(108.868.985.877)	(70.512.342.773)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	164.272.727	5.975.537.576
Tiền cho vay và chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	(28.000.000.000)
Tiền thu hồi từ việc cho vay và bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	14.646.000.000	125.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(80.666.700.000)	(265.949.391.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	103.107.207.422	69.437.593.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(171.618.205.728)	(164.048.602.866)


LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.164.109.957)	(67.051.927.614)
Tiền trả cổ tức	36	(447.700.000.000)	(347.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(461.864.109.957)	(414.751.927.614)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	386.191.838.275	631.570.072.347
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	802.242.473.418	170.672.401.071
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	342.413.195	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.188.776.724.888	802.242.473.418

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:

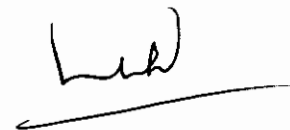
Người duyệt:



Phạm Thu Thủy
Kế toán



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp nhà nước tiền thân là Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTG ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTG ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án và chuyển Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội thành Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội. Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và phân phối các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 771 nhân viên (31/12/2012: 751 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng lập và phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền đăng ký nhãn hiệu hàng hóa. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa của Tổng Công ty được xác định và hạch toán theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần (“Nghị định 109”) và Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định 109. Theo đó, giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị cao hơn khi so sánh kết quả được xác định theo phương pháp dựa trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ và phương pháp dựa trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý và giá trị thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty hiện đang được tính theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ. Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng 10 năm.

(ii) Chai, kết chờ phân bổ

Chai, kết chờ phân bổ bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh khác liên quan. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng 2 năm kể từ ngày chai, kết được đưa vào sử dụng.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(I) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Mu

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là sản xuất và phân phối các sản phẩm bia, rượu, cồn và nước giải khát và một khu vực địa lý, là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(r) Các bên liên quan

Các bên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con, công ty liên kết, liên doanh và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	125.258.757	10.761.394
Tiền gửi ngân hàng	332.978.781.520	802.231.712.024
Các khoản tương đương tiền	855.672.684.611	-
	1.188.776.724.888	802.242.473.418

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	112.518.051.659	177.044.988.297
Phi thương mại	6.120.000.000	4.036.000.000

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông Nhà nước	100.000.000.000	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	6.120.000.000	4.036.000.000
Phải thu lãi cho vay	834.570.286	834.570.285
Phải thu khác	3.743.314.079	1.489.565.802
	110.697.884.365	6.360.136.087

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	49.287.305.515	12.501.671.368
Nguyên vật liệu	170.533.211.823	153.961.517.282
Công cụ và dụng cụ	7.118.221.541	607.619.662
Sản phẩm dở dang	46.804.194.535	38.155.198.450
Thành phẩm	6.172.951.673	8.386.028.807
	<hr/>	<hr/>
	279.915.885.087	213.612.035.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(659.106.750)	-
	<hr/>	<hr/>
	279.256.778.337	213.612.035.569
	<hr/>	<hr/>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước tiền thuê đất (*)	-	25.652.253.358
Trả trước thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu	1.074.852.688	-
Trả trước thuế nhập khẩu	588.470.691	-
	<hr/>	<hr/>
	1.663.323.379	25.652.253.358
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là khoản trả trước cho tiền thuê đất năm 2011 và 2012 của Nhà máy Mê Linh tại Vĩnh Phúc và trụ sở Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tổng Công ty đã thu hồi được số tiền này thông qua việc đối trừ với tiền thuê đất phải trả trong năm 2013.

Phu

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	556.883.581.139	2.350.881.568.388	24.753.342.286	46.521.929.884	6.140.084.867	2.985.180.506.564
Tăng trong năm	-	3.828.276.866	2.240.790.910	1.874.048.723	190.809.000	8.133.925.499
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	70.417.997.624	11.673.306.363	-	242.625.000	-	82.333.928.987
Phân loại lại (*)	(90.640.953)	(1.885.433.133)	-	(5.329.191.395)	(617.574.617)	(7.922.840.098)
Thanh lý	(1.011.780.000)	-	(410.575.500)	-	-	(1.422.355.500)
Số dư cuối năm	626.199.157.810	2.364.497.718.484	26.583.557.696	43.309.412.212	5.713.319.250	3.066.303.165.452
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	240.715.109.447	1.086.499.089.464	14.130.448.244	29.913.923.311	3.636.255.870	1.374.894.826.336
Khấu hao trong năm	49.859.627.050	191.693.013.513	2.976.166.966	4.252.943.593	1.278.000.067	250.059.751.189
Phân loại lại (*)	(58.511.385)	(1.485.866.237)	-	(4.461.486.985)	(436.246.183)	(6.442.110.790)
Thanh lý	(1.011.780.000)	-	(410.575.500)	-	-	(1.422.355.500)
Số dư cuối năm	289.504.445.112	1.276.706.236.740	16.696.039.710	29.705.379.919	4.478.009.754	1.617.090.111.235
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	316.168.471.692	1.264.382.478.924	10.622.894.042	16.608.006.573	2.503.828.997	1.610.285.680.228
Số dư cuối năm	336.694.712.698	1.087.791.481.744	9.887.517.986	13.604.032.293	1.235.309.496	1.449.213.054.217

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 625.211 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 487.925 triệu VND).

9. Tài sản cố định vô hình

	Nhân hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	396.726.207	23.752.398.128	24.149.124.335
Tăng trong năm	-	150.000.000	150.000.000
Phân loại lại (*)	(63.962.450)	(90.154.334)	(154.116.784)
Số dư cuối năm	332.763.757	23.812.243.794	24.145.007.551
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	353.726.986	16.349.467.872	16.703.194.858
Khấu hao trong năm	21.839.902	4.309.676.619	4.331.516.521
Phân loại lại (*)	(53.762.930)	(90.154.334)	(143.917.264)
Số dư cuối năm	321.803.958	20.568.990.157	20.890.794.115
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	42.999.221	7.402.930.256	7.445.929.477
Số dư cuối năm	10.959.799	3.243.253.637	3.254.213.436

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn.

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 2.946 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 1.119 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	43.078.869.004	6.240.815.522
Tăng trong năm	100.585.060.378	38.298.201.880
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(82.333.928.987)	(1.460.148.398)
Chuyển sang chi phí sửa chữa	(1.102.493.636)	-
Số dư cuối năm	60.227.506.759	43.078.869.004

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Tổng kho, hồ chứa nước và cảnh quan nhà máy	-	31.122.880.937
Dự án nước mềm và silô bã 2	-	6.965.588.944
Dự án xây dựng khu đất tại Phú Thọ	-	4.671.934.123
Dự án đầu tư hệ thống sản xuất nước tinh lọc	48.614.712.715	-
Khu hỗn hợp nhà văn phòng và nhà kho	7.666.615.644	-
Các dự án khác	3.946.178.400	318.465.000
	60.227.506.759	43.078.869.004

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính

(i) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con

	Số lượng	31/12/2013 % vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	31/12/2012 % vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
• Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	-	100,00%	100,00%	1.066.287.453.223	-	100,00%	100,00%	985.620.753.223
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	2.200.000	55,00%	55,00%	50.000.000.000	2.200.000	55,00%	55,00%	50.000.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	5.967.000	65,01%	65,01%	30.631.673.095	5.967.000	65,01%	65,01%	30.631.673.095
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	1.020.000	51,00%	51,00%	82.343.478.402	1.020.000	51,00%	51,00%	82.343.478.402
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	5.100.000	51,00%	51,00%	10.200.000.000	5.100.000	51,00%	51,00%	10.200.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa	6.283.510	55,00%	55,00%	56.448.402.482	6.283.510	55,00%	55,00%	56.448.402.482
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	1.836.000	51,00%	51,00%	82.689.355.104	1.836.000	55,00%	55,00%	82.689.355.104
• Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	1.379.000	68,95%	68,95%	20.036.357.755	1.379.000	51,00%	51,00%	20.036.357.755
• Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	10.858.041	54,29%	54,29%	14.487.313.191	10.858.041	68,95%	68,95%	14.487.313.191
• Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	1.873.800	60,00%	60,00%	143.696.608.717	1.873.800	54,29%	54,29%	143.696.608.717
• Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	789.544	52,64%	52,64%	22.977.925.427	789.544	60,00%	60,00%	22.977.925.427
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	19.220.400	96,10%	96,10%	8.673.477.197	19.220.400	52,64%	52,64%	8.673.477.197
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	9.180.000	51,00%	51,00%	223.535.805.853	9.180.000	96,10%	96,10%	223.535.805.853
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	10.841.500	98,56%	98,56%	91.800.000.000	10.841.500	51,00%	51,00%	91.800.000.000
• Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	10.670.680	66,69%	66,69%	106.581.700.000	10.670.680	71,00%	71,00%	25.915.000.000
• Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	1.547.600	60,69%	60,69%	106.709.356.000	1.547.600	66,69%	66,69%	106.709.356.000
				15.476.000.000		60,69%	60,69%	15.476.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	31/12/2013			31/12/2012		
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
			VND			VND
Đầu tư vào công ty liên kết			396.209.965.345			396.209.965.345
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	1.120.000	28,00%	28,00%	1.120.000	28,00%	11.200.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	2.240.000	32,69%	32,69%	2.240.000	32,69%	22.400.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu	24.300.000	45,00%	45,00%	24.300.000	45,00%	255.000.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	700.000	28,00%	28,00%	700.000	28,00%	8.304.865.190
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco	7.200.000	24,00%	24,00%	7.200.000	24,00%	72.000.000.000
• Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	2.535.360	40,00%	40,00%	2.535.360	40,00%	27.305.100.155
Đầu tư vào công ty liên doanh			52.605.154.819			52.605.154.819
• Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng			52.605.154.819			52.605.154.819
Các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu tại các công ty khác			60.100.000.000			60.100.000.000
• Công ty Cổ phần Sữa Việt Mỹ	760.000	15,34%	15,34%	760.000	15,34%	7.600.000.000
• Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	3.250.000	10,59%	10,59%	3.250.000	10,59%	32.500.000.000
• Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung	500.000	10,00%	10,00%	500.000	10,00%	5.000.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Hưng Yên 89	300.000	10,00%	10,00%	300.000	10,00%	3.000.000.000
• Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam	570.000	6,00%	6,00%	570.000	6,00%	12.000.000.000
Cho vay dài hạn			27.000.000.000			27.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			1.602.202.573.387			1.521.535.873.387
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			(69.758.414.854)			(168.373.928.329)
			1.532.444.158.533			1.353.161.945.058

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	-
Cho vay ngắn hạn		
▪ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	27.000.000.000	40.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Mỹ	-	1.646.000.000
	<hr/>	<hr/>
	127.000.000.000	41.646.000.000

Trong năm 2013, các khoản cho vay ngắn hạn được hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 9% (2012: 8% đến 9%), các khoản tiền gửi có kỳ hạn được hưởng lãi suất 7,5%/năm.

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	168.373.928.329	168.373.928.329
Tăng dự phòng trong năm	42.198.611.857	-
Hoàn nhập trong năm	(140.814.125.332)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	69.758.414.854	168.373.928.329

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Chai, kết chờ phân bổ VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	94.863.098.869	56.761.119.396	22.506.963.876	2.478.632.736	176.609.814.877
Tăng trong năm	-	122.111.315.921	-	849.030.235	122.960.346.156
Phân bổ trong năm	(38.157.224.125)	(117.816.777.356)	(1.515.969.555)	(3.215.445.967)	(160.705.417.003)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	56.705.874.744	61.055.657.961	20.990.994.321	112.217.004	138.864.744.030

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh khi phân bổ Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (Thuyết minh 12) theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm và chi phí phân bổ tính theo hướng dẫn của Thông tư 138/TT-BTC ngày 5 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	115.841.225.017	54.748.000.000

15. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan	175.453.613.954	66.255.632.054

Các khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.573.112.081	21.414.890.218
Thuế tiêu thụ đặc biệt	93.592.888.447	105.686.973.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.666.162.600	43.837.465.252
Các loại thuế khác	1.094.155.076	1.235.275.809
	144.926.318.204	172.174.604.656

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí bán hàng	56.322.096.607	150.306.260.407
Chi phí khác	2.069.932.427	8.596.222.414
	58.392.029.034	158.902.482.821

18. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	1.408.258.468	2.124.988.628
Bảo hiểm xã hội	419.937.334	649.306.567
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.765.504.141	736.859.215
Các khoản phải trả khác	3.388.795.112	1.535.326.840
	8.982.495.055	5.046.481.250

19. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác là tiền ký cược cho chai kết nhận từ Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	115.841.225.017	122.635.520.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(115.841.225.017)	(54.748.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	-	67.887.520.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng	EUR	LIBOR + 2,15%	2014	115.841.225.017	122.635.520.000

Khoản vay ngân hàng có thời hạn 84 tháng, gốc và lãi được hoàn trả 6 tháng một lần và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là dự án Nhà máy bia Mê Linh tại Vĩnh Phúc.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	2.318.000.000.000	302.842.658.234	118.785.795.019	-	656.513.399.527	3.396.141.852.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	694.641.651.621	694.641.651.621
Phân bổ vào các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	215.256.081.437	64.297.403.449	-	(279.553.484.886)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(24.074.924.604)	(24.074.924.604)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(347.700.000.000)	(347.700.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	2.318.000.000.000	518.098.739.671	183.083.198.468	-	697.526.641.658	3.716.708.579.797
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	800.814.464.140	800.814.464.140
Phân bổ vào các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	269.674.228.882	72.490.658.527	3.500.000.000	(345.664.887.409)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(29.450.575.213)	(29.450.575.213)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(2.199.946.000)	-	(2.199.946.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(347.700.000.000)	(347.700.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.318.000.000.000	787.772.968.553	255.573.856.995	1.300.054.000	775.525.643.176	4.138.172.522.724

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	231.800.000	2.318.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	2.318.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	2.318.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Tổng Công ty bao gồm:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	
	nắm giữ	%
Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79%
Carlsberg Breweries A/S	39.597.700	17,08%
Công ty TNHH Carlsberg Đông Dương	347.700	0,15%
Các cổ đông khác	2.262.200	0,98%
	231.800.000	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã trích lập 269.674.228.882 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2013. Trong năm 2012, Tổng Công ty đã trích lập 215.256.081.437 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã trích lập 72.490.658.527 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2013. Trong năm 2012, Tổng Công ty đã trích lập 64.297.403.449 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012.

(c) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ an sinh xã hội là một quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã trích lập 3.500.000.000 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ an sinh xã hội theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2013.

24. Cổ tức

Ngày 20 tháng 5 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2012 trị giá 347.700 triệu VND, tương đương tỷ lệ 15% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2011 trị giá 347.700 triệu VND, tương đương tỷ lệ 15% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	7.396.397.558.440	6.539.771.580.965
▪ Cung cấp dịch vụ	5.395.391.250	5.002.248.000
	<hr/>	<hr/>
	7.401.792.949.690	6.544.773.828.965
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(90.213.752)	(454.853.650)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.057.442.574.675)	(1.145.580.027.595)
	<hr/>	<hr/>
	(1.057.532.788.427)	(1.146.034.881.245)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	6.344.260.161.263	5.398.738.947.720
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm đã bán	2.074.848.398.905	1.441.640.510.384
Hàng hoá đã bán	3.060.256.341.222	2.836.060.951.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	659.106.750	-
	<hr/>	<hr/>
	5.135.763.846.877	4.277.701.462.103
	<hr/>	<hr/>

Handwritten signature

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	47.216.054.022	27.181.670.085
Cổ tức và lợi nhuận được chia	371.440.369.784	392.926.152.665
Phí bản quyền	6.202.891.264	4.964.339.766
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.425.264	713.813.211
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.133.439.936
	425.029.740.334	427.919.415.663

28. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	2.885.555.060	5.944.232.254
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(98.615.513.475)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.013.773.301	27.020.697.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.027.401.779	-
	(87.688.783.335)	32.964.929.333

29. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	164.272.727	5.975.537.576
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	739.582.048	2.450.726.129
Tiền từ bán bã bia, vỏ chai và thu nhập khác	11.999.847.968	9.224.897.585
	12.903.702.743	17.651.161.290

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	183.915.040.174	117.408.044.912
Bổ sung thuế trích thiếu trong những năm trước	51.513.285.250	20.386.342.820
	<hr/> 235.428.325.424	<hr/> 137.794.387.732
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(7.227.167.481)	-
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(11.438.334.547)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	867.260.098	-
	<hr/> (6.359.907.383)	<hr/> (11.438.334.547)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 229.068.418.041	<hr/> 126.356.053.185

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.029.882.882.181	820.997.704.806
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	257.470.720.545	205.249.426.202
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất đối với các chênh lệch tạm thời	867.260.098	-
Giá trị tính thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	12.077.244.594	10.390.156.876
Giá trị tính thuế của thu nhập không bị tính thuế	(92.860.092.446)	(98.231.538.166)
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(11.438.334.547)
Bổ sung thuế trích thiếu trong những năm trước	51.513.285.250	20.386.342.820
	<hr/> 229.068.418.041	<hr/> 126.356.053.185

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	1.188.651.466.131	802.231.712.024
Đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(i)	100.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	123.743.605.517	183.469.356.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay	(iii)	27.000.000.000	41.646.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn – cho vay	(iii)	27.000.000.000	27.000.000.000
		1.466.395.071.648	1.054.347.068.620

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty nhận tiền ký cược từ các khách hàng (Thuyết minh 19) làm tài sản đảm bảo.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	7.635.955.263
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	434.821.635	33.552.945.897
Quá hạn trên 180 ngày	31.620.820	834.570.285
	466.442.455	42.023.471.445

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn – cho vay

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn – cho vay là các khoản cho vay được cấp cho các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
31/12/2013				
Phải trả người bán và phải trả khác	367.392.767.629	367.392.767.629	367.392.767.629	-
Vay và nợ ngắn hạn	115.841.225.017	118.578.714.055	118.578.714.055	-
	483.233.992.646	485.971.481.684	485.971.481.684	-
31/12/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	271.712.719.146	271.712.719.146	271.712.719.146	-
Vay dài hạn	122.635.520.000	126.816.910.440	57.504.101.952	69.312.808.488
	394.348.239.146	398.529.629.586	329.216.821.098	69.312.808.488

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND – đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD và EUR.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	441.646	21.012	316.604	27.213
Phải trả người bán	(389.162)	(219.963)	-	(212.378)
Vay và nợ ngắn hạn	-	(3.992.322)	-	(2.000.000)
Vay dài hạn	-	-	-	(2.480.000)
	52.484	(4.191.273)	316.604	(4.665.165)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
USD/VND	21.123	20.820
EUR/VND	29.016	27.374

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 5% so với VND)	41.573.232
EUR (mạnh thêm 3% so với VND)	(2.736.314.491)
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 5% so với VND)	247.188.573
EUR (mạnh thêm 3% so với VND)	(2.873.345.101)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản vay dài hạn trị giá 115.841.225.017 VND của Tổng Công ty chịu lãi suất thả nổi (31/12/2012: 122.635.520.000 VND). Tổng Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.342.651.466.131	843.877.712.024
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(115.841.225.017)	(122.635.520.000)

Lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần cả năm của Tổng Công ty khoảng 869 triệu VND (2012: 920 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.188.776.724.888	1.188.776.724.888	802.242.473.418	802.242.473.418
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.000.000.000	(*)	41.646.000.000	(*)
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	123.743.605.517	123.743.605.517	183.469.356.596	183.469.356.596
- Đầu tư tài chính dài hạn – cho vay dài hạn	27.000.000.000	(*)	27.000.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào đơn vị khác	60.100.000.000	(*)	60.100.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(367.392.767.629)	(367.392.767.629)	(271.712.719.146)	(271.712.719.146)
- Vay và nợ ngắn hạn	(115.841.225.017)	(*)	(54.748.000.000)	(*)
- Vay dài hạn	-	-	(67.887.520.000)	(*)
	1.043.386.337.759	(*)	720.109.590.868	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Bù trừ các khoản phải trả người bán với các khoản phải thu từ lợi nhuận và cổ tức	313.465.216.384	348.470.206.407

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Cổ đông Nhà nước		
Trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	284.383.830.000	284.383.830.000
Tạm ứng cổ tức	100.000.000.000	-
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco		
Bán hàng hóa	6.233.088.551.760	5.699.979.650.687
Cung cấp dịch vụ	3.730.338.328	2.838.600.000
Nhận cổ tức	292.690.849.384	315.013.386.381
Hỗ trợ bán hàng	73.264.340.769	158.367.021.114
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội		
Bán hàng hóa	324.542.718.500	303.244.296.500
Cung cấp dịch vụ	1.731.648.000	1.731.648.000
Nhận cổ tức	3.747.600.000	4.684.500.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội</i>		
Nhận cổ tức	-	19.544.473.800
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương</i>		
Mua thành phẩm	169.516.726.980	171.202.315.500
Bán nguyên vật liệu	25.870.781.385	30.077.631.460
Nhận cổ tức	3.300.000.000	5.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng</i>		
Mua thành phẩm	95.888.452.410	99.665.487.000
Bán nguyên vật liệu	15.141.916.250	17.950.168.380
Lãi vay	-	7.596.944.445
Nhận cổ tức	8.353.800.000	8.950.500.000
<i>Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng</i>		
Mua thành phẩm	186.952.625.180	156.103.428.600
Bán nguyên vật liệu	29.707.678.240	26.854.896.965
Góp vốn	-	69.923.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh</i>		
Bán nguyên vật liệu	28.379.872.998	-
Nhận cổ tức	1.500.133.600	1.500.133.600
Hỗ trợ bán hàng	2.790.263.603	-
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định</i>		
Nhận cổ tức	816.000.000	714.000.000
Phí bản quyền	565.402.811	552.936.415
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình</i>		
Mua thành phẩm	97.350.700.227	83.129.148.000
Bán nguyên vật liệu	18.209.937.735	15.235.904.060
Lãi cho vay	-	1.257.666.667
Nhận cổ tức	6.120.000.000	3.281.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa</i>		
Mua thành phẩm	292.343.125.452	188.852.862.600
Bán nguyên vật liệu	72.850.736.840	37.524.375.770
Nhận cổ tức	10.681.967.000	10.681.967.000
Phí bản quyền	422.034.123	435.743.035
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An</i>		
Mua thành phẩm	809.487.909.019	646.426.983.954
Bán nguyên vật liệu	72.850.736.840	62.879.884.060
Phí bản quyền	422.034.123	435.743.036

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình</i>		
Mua thành phẩm	174.612.072.060	145.891.639.800
Bán nguyên vật liệu	28.279.913.400	23.417.648.050
Nhận cổ tức	1.101.600.000	2.203.200.000
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị</i>		
Nhận cổ tức	-	1.289.181.884
Góp vốn	73.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát</i>		
Mua nguyên vật liệu	50.693.160.000	46.745.894.350
Nhận cổ tức	1.654.800.000	1.654.800.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Habeco</i>		
Mua nguyên vật liệu	86.372.861.942	97.183.570.075
Lãi vay	-	1.269.353.025
Nhận cổ tức	1.857.120.000	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	5.097.936.355
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội</i>		
Mua thành phẩm	904.392.637.418	707.635.107.440
Bán nguyên vật liệu	358.894.790.666	280.386.572.552
Góp vốn	-	110.526.391.000
<i>Công ty liên kết và liên doanh</i>		
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài</i>		
Mua thành phẩm	67.173.978.000	10.057.458.600
Bán nguyên vật liệu	12.426.711.628	6.309.268.500
Lãi cho vay	3.019.513.889	1.678.333.334
Cho vay ngắn hạn	27.000.000.000	-
Thu lại khoản cho vay ngắn hạn	13.000.000.000	-
Phí bản quyền	1.105.270.028	930.080.000
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà</i>		
Mua thành phẩm	176.904.628.230	110.230.233.300
Bán nguyên vật liệu	30.292.955.750	19.770.194.020
Lãi cho vay	2.109.750.000	3.153.000.000
Phí bản quyền	2.593.052.227	2.130.183.922
Hỗ trợ bán hàng	573.263.057	457.545.980
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu</i>		
Bán nguyên vật liệu	13.335.207.850	136.800.000
Mua thành phẩm	102.698.517.964	-
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	-	1.346.354.502
Hỗ trợ chi phí bán hàng	-	14.839.488.704
Góp vốn	-	85.500.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Habeco</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	761.919.003
Cung cấp dịch vụ	612.000.000	432.000.000
Nhận cổ tức	1.820.000.000	1.750.000.000
Sử dụng dịch vụ	115.344.221.497	103.564.199.422
<i>Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại</i>		
Nhận cổ tức	8.873.760.000	3.803.040.000
<i>Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng</i>		
Mua nguyên vật liệu	76.599.766.685	68.548.136.910
Bán phế liệu	1.936.946.400	547.171.600
Nhận cổ tức	8.978.310.000	11.971.080.000
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền lương và thưởng	3.600.000.000	3.240.000.000
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tiền lương và thưởng	1.344.000.000	1.284.000.000

Theo hợp đồng về chuyển giao công nghệ và chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng Công ty với các công ty con và các công ty liên kết, các công ty con và các công ty liên kết có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty. Bù lại, Tổng Công ty sẽ thu phí bản quyền bằng 2% trên doanh thu bán sản phẩm.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	742.000.000.000	742.000.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	99.278.179.383	130.181.530.119
	<hr/> 841.278.179.383	<hr/> 872.181.530.119

35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 27 tháng 1 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 24.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Vũng Tàu mà Tổng Công ty nắm giữ cho một bên thứ ba. Số tiền thu về từ việc chuyển nhượng cổ phần này là 345.060.000.000 VND.

Ngày 12 tháng 2 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm 31.485.000.000 VND vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hồng Hà, nâng tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hồng Hà lên mức 53,89% (31/12/2013: 32,69%).

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.761.597.333.293	4.001.675.940.971
Chi phí nhân công	113.815.807.285	119.849.645.278
Chi phí khấu hao	254.391.267.710	295.485.736.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.385.265.375	297.293.998.558
Chi phí khác	160.666.961.855	219.383.892.156

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Mã số	2012 VND (phân loại lại) VND	2012 VND (theo báo cáo trước đây) VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.133.439.936)	(2.842.476.180)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(420.107.822.750)	(420.107.799.738)
Biến động các khoản phải thu	09	404.739.311.908	56.591.189.129
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	130.316.331.525	86.307.838.609
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.565.518.293)	(10.486.678.325)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(89.035.635.277)	(93.956.922.480)
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(70.512.342.773)	(20.661.402.622)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	5.975.537.576	6.362.467.180
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	69.437.593.331	417.907.799.738

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Phạm Thu Thủy
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc